

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 47/2019/DSPT
Ngày 08- 4- 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 84/2018/DSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố M, tỉnh Đắc Lắc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trọng H (có mặt);

Địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố M, tỉnh Đắc Lắc.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đức T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Đường C, phường A, thành phố M, tỉnh Đắc Lắc.

3. *Người làm chứng:* Bà Nông Thị H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện E, tỉnh Đắc Lắc.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Trọng H trình bày:

Do quen biết nhau nên vào đầu tháng 10/2017 ông Võ Đức T có điện thoại hỏi vay bà Trần Thị M số tiền 220.000.000 đồng để mua đất đấu giá trúng. Ngày 11/10/2017, bà M nhờ con gái (là Nông Thị H) chuyển tiền từ Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện E vào số tài khoản 12061484911xxxx do ông Võ Đức T đứng tên chủ tài khoản mở tại Ngân hàng E – Phòng giao dịch thị xã B số tiền 220.000.000 đồng. Ông T nói vay để mua đất bán đấu giá tài sản trúng theo hợp đồng số 2017/HĐMBTS đấu giá ngày 20/9/2017. Do đó con bà là Nông Thị H viết nội dung chuyển tiền là “Chuyển tiền cho ông Võ Đức T vay trả tiền đấu giá đất theo hợp đồng số 2017/HĐMBTS đấu giá ngày 20/9/2017. Về lãi suất thì khi vay không thỏa thuận, thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày vay (không ghi trong giấy tờ). Bà M đã yêu cầu ông T trả tiền nhiều lần nhưng ông T không trả tiền.

Do bà M đòi nhiều lần nhưng ông T không chịu trả tiền nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền 220.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về lãi suất bà không yêu cầu ông T trả.

Bị đơn ông Võ Đức T trình bày:

Ông và bà M có quan hệ là vợ chồng, ông bà tự nguyện kết hôn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến tháng 01 năm 2018 thì hai người phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung nữa. Khi kết hôn chung sống thì chỉ làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì mỗi người làm ăn kinh tế riêng, ông kinh doanh xưởng gạch còn bà M kinh doanh cà phê. Vợ chồng không chung nhau về kinh tế nhưng bà M thường nhờ số tài khoản của ông là 12061484911xxxx do ông đứng tên mở tại Ngân hàng E thị xã B để giao dịch mua bán nông sản của bà M. Ngày 11/10/2017 (thời gian này thì ông bà vẫn sống chung với nhau), Bà M nói khách hàng trong huyện E gửi tiền cho bà M vào tài khoản của ông số tiền 220.000.000 đồng, trước khi chuyển tiền thì bà M có báo cho ông biết. Sau khi thấy tin nhắn điện thoại báo số tiền trong tài khoản tăng lên 220.000.000 đồng thì ông có báo cho bà M biết, sau đó, vào 14 giờ 12 phút cùng ngày, ông đã đến Ngân hàng E - Chi nhánh P, (địa chỉ đường P, thành phố M) rút toàn bộ số tiền cho bà M tại quầy giao dịch đưa hết cho bà M, việc đưa tiền thì hai bên không viết giấy tờ gì. Toàn bộ tất cả những số tiền bà M gửi và khách hàng bà M gửi vào tài khoản của ông thì ông đều rút trả lại cho bà M. Ngoài ra, ngày 19/10/2017 thì bà M có chuyển tiền vào số tài khoản của ông số tiền 246.000.000 đồng với nội dung bà M chuyển tiền cho ông “vay mua máy ép gạch” nhưng thực tế ông không vay mượn tiền bà M. Ông nói bà có số tài khoản riêng sao không chuyển vào tài khoản riêng của bà mà gửi vào tài khoản tôi làm gì

và ông đã rút toàn bộ khoản tiền này đưa cho bà M và bà M đã viết giấy nhận lại số tiền 246.000.000 đồng. Ông thừa nhận hai khoản tiền bà M chuyển vào tài khoản của ông là có thật nhưng không phải ông vay tiền bà M mà là bà M nhờ số tài khoản để chuyển tiền vào. Sau này, ông đã rút và đưa cho bà M.

Nay ông và bà M có mâu thuẫn tình cảm không sống chung nữa nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông trả số tiền 220.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì ông không có vay tiền của bà M và đã trả lại số tiền bà M chuyển vào tài khoản của ông. Bà M trình bày ông hỏi vay tiền bà để trả tiền mua đất trúng đấu giá là không đúng, vì thời điểm ông đấu giá tài sản tại công ty Đ đã kết thúc từ ngày 20/9/2017 trong khi bà nói tôi vay tiền 220.000.000 đồng là không đúng.

Người làm chứng chị Nông Thị H trình bày: Chị H là con đẻ của bà M. Ngày 11/10/2017, mẹ chị là bà Trần Thị M gọi điện thoại nói chị gửi 220.000.000 đồng mà chị đang giữ cho ông Võ Đức T vay nên chị đến Ngân hàng A chi nhánh huyện E chuyển vào số tài khoản 12061484911xxxx do ông T đứng tên và viết trong giấy chuyển tiền nội dung chuyển cho ông T vay tiền để trả tiền mua đất trúng đấu giá tại công ty đấu giá Đ. Từ trước đến nay, chị chỉ chuyển cho ông T một lần và chỉ một khoản tiền này. Còn việc ông T đã trả cho bà M hay chưa thì chị không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2018/DSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị M.

Buộc ông Võ Đức T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền 220.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Buộc ông Võ Đức T phải chịu 11.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà M được nhận lại 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003137 ngày 24/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2018, bị đơn ông Võ Đức T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết phúc thẩm vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của ông T hợp lệ và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Qua các tài liệu có tại hồ sơ vụ án xác định vào ngày 11/10/2017, bà M có chuyển số tiền 220.000.000 đồng và ngày 19/10/2017 bà M chuyển 246.000.000 đồng vào tài khoản của ông Võ Đức T với nội dung cho ông T vay để trả tiền bán đầu giá đất và mua máy ép gạch, tuy nhiên, ông T khẳng định không vay số tiền mà bà M nhờ tài khoản của ông chuyển tiền vào. Số tiền này bà M chuyển vào tài khoản của ông thì đã rút trả cho bà M hết nhưng bà M chỉ thừa nhận ông đã trả khoản tiền 246.000.000 chuyển vào ngày 19/10/2017 còn khoản tiền 220.000.000 đồng thì ông chưa trả và ông không có chứng cứ chứng minh việc mình đã trả tiền.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình phúc thẩm, bị đơn cung cấp 01 đĩa CD chứa dữ liệu mà bị đơn cho rằng bà M nói ông T lừa tình bà nên bà M lừa tiền lại nên bà khởi kiện yêu cầu trả 220.000.000 đồng là để lừa tiền ông nhưng không đủ cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Đức T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2018/DSST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự trong vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định. Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đúng thời hạn và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chuyển tiền ngày 11/10/2017 của chị H vào tài khoản do ông Võ Đức T đứng tên tại Ngân hàng E - Chi nhánh thị xã B với nội dung bà M chuyển tiền cho ông T vay 220.000.000 đồng để nộp tiền trúng đấu giá đất. Ông T cũng thừa nhận ngày 11/10/2017, bà M có chuyển tiền vào tài khoản của ông với số tiền 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T trình bày đã rút tiền và giao lại toàn bộ số tiền bà M chuyển vào tài khoản ông nhưng không có chứng cứ chứng minh việc mình đã trả tiền. Trong khi đó, vào ngày 19/10/2017, bà M cũng nhờ chuyển vào tài khoản do ông đứng tên tại Ngân hàng E - Chi nhánh thị xã B số tiền 246.000.000 đồng và ông T đã rút tiền cho bà M thì có viết giấy biên nhận. Do đó, thể hiện mặc dù trong thời gian này ông bà không có mâu thuẫn về tình cảm nhưng rất rõ ràng về tài sản chung. Ông đã yêu cầu bà M viết giấy xác nhận nhận tiền khi rút tiền đưa lại cho bà M, cho nên đối với khoản tiền 220.000.000 đồng mà ông cho rằng đã trả cho bà M nhưng bà M không thừa nhận, đồng thời, ông không chứng minh được mình đã trả tiền.

Quá trình xét xử phúc thẩm, ông T có cung cấp 01 đĩa CD mà ông trình bày có chứa dữ liệu cuộc gọi thoại ghi âm giữa bà M và con trai ông. Và qua nội dung cuộc nói chuyện thì ông T cho rằng ông đã trả số tiền 220.000.000 đồng rồi nên bà M mới nói với con ông là do “Ông T lừa tình bà nên bà lừa tiền lại”. Câu nói của bà M thì bà M thừa nhận là bà nói, nhưng do tình cảm mâu thuẫn nên bà nói cho ông T tức, bởi ông T cũng nói bà là tiền ông đã trả cho bà rồi nhưng bà còn đi kiện, làm mất uy tín của bà. Còn thực tế khoản tiền 220.000.000 đồng ông T chưa trả cho bà, đồng thời, ông không chứng minh được khoản tiền ông đã trả cho bà.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T phải trả lại cho bà Trần Thị M số tiền 220.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của ông T không có chứng cứ, chứng minh nên không được chấp nhận, mặc dù, ông có cung cấp tài liệu chứng cứ mới nhưng không thể hiện, chứng minh việc ông đã trả số tiền 220.000.000 đồng cho bà M.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Đức T – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị M.

Buộc ông Võ Đức T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án

[3] Về án phí: Buộc ông Võ Đức T phải chịu 11.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà M được nhận lại 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003137 ngày 24/1/2018.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2017/0008546 ngày 27/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột ;
- Chi cục THADS Tp. M;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Văn Chung